

# Khu Đề xuất Bảo tồn Biển Hòn Mê

**Tên khác:**

Quần Đảo Hòn Mê

**Tỉnh:**

Thanh Hóa

**Diện tích:**

6.700 ha

**Toạ độ:**

19°19' - 19°23' N, 105°51' - 105°57' E

**Vùng sinh thái nông nghiệp:**

Bắc Trung Bộ

**Có quyết định của Chính phủ:**

Chưa

**Đã thành lập Ban Quản lý:**

Chưa thành lập

**Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:**

Không

**Đáp ứng các tiêu chí của VCF:**

Không

**Đáp ứng các tiêu chí xã hội:**

Không

**Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:**

Không

**Kế hoạch quản lý:**

Không

**Đánh giá công cụ theo dõi:**

Không

**Có bản đồ vùng:**

Không

## Lịch sử hình thành

Hòn Mê nằm trong danh sách 16 khu bảo tồn biển do Bộ KHCNMT (cũ) đề xuất (Nguyễn Chu Hồi *et al.* 1998). Diện tích đề xuất của khu bảo tồn khoảng 5.600 ha. Đề xuất này chưa được Chính phủ Việt Nam phê chuẩn (ADB, 1999).

Năm 1999, Ngân hàng Phát triển Châu Á tiếp tục đề xuất thành lập khu bảo tồn biển Hòn Mê khi quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn biển và bờ biển cho Việt Nam. Theo đề xuất của Ngân hàng Phát triển Châu Á thì Hòn Mê (bao gồm cả quần đảo Hòn Mê) có diện tích 6.700 ha, trong đó phần mặt biển là 6.200 ha, phần trên đảo là 500 ha. Trong đề xuất này, khu bảo tồn biển sẽ bao gồm cả Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hòn Mê trong Quyết định của Chính phủ năm 1986 (xem phiếu thông tin Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hòn Mê).

## Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn biển Hòn Mê đề xuất bao gồm quần đảo Hòn Mê và các vùng biển bao quanh. Quần đảo Hòn Mê bao gồm 9 đảo tương đối lớn và một số đảo nhỏ, trong đó đảo lớn nhất là Hòn Mê có diện tích 420 ha. Điểm cao nhất trên đảo là 256 m so với mặt nước biển. Phần mặt nước nơi sâu nhất là 28 m. Vùng biển có độ sâu trung bình là 13 m.

## Đa dạng sinh học

Khu bảo tồn biển đề xuất có giá trị đa dạng sinh học cao với các sinh cảnh biển và trên cạn. Khu vực có các sinh cảnh biển rất đa dạng bao quanh các hòn đảo với các dải san hô ngầm, các bậc thềm lục địa quanh đảo, các bãi đá, các lớp cát và các lớp đất sỏi. Các dải san hô ngầm phân bố rộng khắp vùng biển trong khu vực nhưng độ che phủ không cao, bình quân dưới 30%. Điều này cho thấy các dải san hô ngầm đang bị suy giảm nghiêm trọng do các hoạt động của con người (ADB, 1999).

Tháng 10/1998, Viện Hải dương học Hải Phòng đã tiến hành khảo sát khu vực đảo Hòn Mê, tập trung vào hệ sinh vật biển. Đợt khảo sát này đã ghi nhận được 141 loài động vật đáy, 133 loài thực vật phù du, 56 loài san hô (hầu hết là Scleractinians), 55 loài cá sống ở các dải san hô (trong đó có 11 loài mới cho Việt Nam) và 46 loài động vật phù du (Nguyễn Chu Hồi *et al.* 1998, ADB, 1999).

## Các vấn đề về bảo tồn

Những đe dọa chính tới tính nguyên vẹn đa dạng sinh học trong các vùng biển của khu bảo tồn là sự khai thác quá mức tài nguyên biển đã làm suy giảm nguồn tài nguyên thủy sản. Các loài động vật đáy khá đa dạng trong khu đề xuất bảo tồn biển, nhưng đang bị cạn kiệt do khai thác quá mức. Đặc biệt thấy rõ đối với

cua, tôm hùm, các loại tôm sò khác và rong biển (ADB, 1999).

Trong mùa mưa, các sông suối đưa một khối lượng lớn các chất lắng đọng từ đất liền đổ vào khu đề xuất bảo tồn. Sự lắng đọng của phù sa bao phủ lên các dải đá ngầm làm cho chúng dần dần bị suy thoái. Ngoài ra, các phần tử lơ lửng trong nước làm giảm mức độ chiếu sáng tác động tới năng suất các loài thực vật thủy sinh làm thay đổi chuỗi thức ăn.

## Các giá trị khác

Quần đảo Hòn Mê là khu vực đánh bắt cá quan trọng ở Vịnh Bắc Bộ, là nơi kiếm sống của các cộng đồng dân cư huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, cũng như các doanh nghiệp đánh bắt cá thương mại. Có một số lượng lớn các loài cá có giá trị kinh tế cao xuất hiện trong khu vực, như các loài thuộc các họ Pomacanthidae và Holocentridae (ADB 1999)

## Các dự án có liên quan

Không có thông tin.

## Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

## Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

## Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Khu đề xuất bảo tồn biển Hòn Mê hiện không phù hợp để được nhận tài trợ VCF do đây không phải là khu rừng đặc dụng.

| Tiêu chí         | Sự phù hợp |
|------------------|------------|
| A <sub>I</sub>   |            |
| A <sub>II</sub>  |            |
| B <sub>I</sub>   |            |
| B <sub>II</sub>  |            |
| B <sub>III</sub> |            |
| C <sub>I</sub>   |            |
| C <sub>II</sub>  |            |

## Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

| Tiêu chí | Sự phù hợp |
|----------|------------|
| A        |            |
| B        |            |
| C        |            |
| D        |            |

## Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Nguyen Chu Hoi, Nguyen Huy Yet and Dang Ngoc Thanh (1998) "Scientific basis for marine protected areas planning". Hai Phong: Hai Phong Institute of Oceanography. In Vietnamese.

Thanh Hoa Provincial FPD (2000) "FPD questionnaire". Thanh Hoa: Thanh Hoa Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.